TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 396/2019/HS-ST
Ngày: 22/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Châu

2. Bà Hàn Hòa Thuận

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lưu Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 483/2019/HSST ngày 04/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4564/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5920/HSST 16/10/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh Th**; tên gọi khác: Không; Sinh năm 1988 tại tỉnh Long An; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: 260/4 ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh L; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không có; Con ông Nguyễn Thành M và bà Nguyễn Thị P; Chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 14/7/2012 Tòa án nhân dân Thành phố T – tỉnh L xử phạt 7 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo bản án số 47/HSST ngày 14/7/2012. Đến ngày 22/12/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giam ngày 16/4/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 16/4/2019, Công an xã T, huyện B, TP. H nhận được tin báo của người dân tại khu vực Vòng xoay An Lạc, đường Quốc lộ 1A thuộc tổ 1, ấp 2, xã T có 01 người bị nghi vấn có hành vi "Cướp giật tài sản" đang bị người dân bắt giữ. Công an xã T tiến hành xuống hiện trường tiếp nhận sự việc và mời những người có liên quan gồm Nguyễn Minh Th, Phạm Thị Ngọc V, Lê Văn T về trụ sở Công an để làm việc.

Tại trụ sở Công an, lực lượng Công an xã đã tiến hành kiểm tra các tư trang, đồ vật của Nguyễn Minh Th, Phạm Thị Ngọc V, Lê Văn T thì phát hiện trong túi xách của Th có 29.500.000đ (hai mươi chín triệu năm trăm nghìn) tiền giả. Gồm 59 (năm mươi chín) tờ có mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), trong đó có 22 tờ cùng số seri BG 16164150; 19 (mười chín) tờ cùng số seri VA 14549165 và 18 (mười tám) tờ cùng số seri EM 10487743. Nguyễn Minh Th khai nhận: 59 (năm mươi chín) tờ giấy có mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) nêu trên là tiền giả được Th mua của Phạm Thị Ngọc V. Công an xã T, huyện B đã tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Minh Thvề hành vi "Tàng trữ tiền giả".

Theo Bản kết luận giám định số 872/KLGĐ-TT ngày 10/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố H. Kết luận là giấy bạc giả trên chất liệu giấy, cắt giấy để lộ khoảng hở tạo ô của sổ trong suốt và được ép bằng hai lớp nhựa mỏng; Các nội dung trên tờ giấy bạc được in giả bằng phương pháp in phun màu (bút lục số 50).

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Minh Th khai: do cần có tiền tiêu xài nên Th đã nghĩ cách mua tiền giả, đi đá gà để đổi lấy tiền thật. Vào khoảng 9 giờ sáng ngày 13/4/2019, Th dùng số điện thoại 086.753.9040 gọi cho V (Th không nhớ đã gọi đến số điện thoại nào của V) hỏi V có bán tiền giả không, thì được trả lời có và tỉ lệ mua bán là 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền thật mua được 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền giả. Thành đồng ý mua thì V hẹn khi nào Th có tiền thật sẽ giao dịch. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, V gọi (Th không nhớ V dùng số nào để gọi cho Th) đến số điện thoại 0938.223.057 của Th và hỏi Th đã có tiền thật chưa, Th nói có rồi thì được V hẹn 23 giờ sẽ giao dịch tại khu vực Cảng Thanh Hà, xã Tân Bửu, huyện B, tỉnh L, Th đồng ý (đồng thời V có xin Th 900.000đ và được Th chuyển cho V qua ví điện tử Momo). Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Th đi xe ôm đến đoạn đường vắng thuộc khu vực Cảng Thanh Hà, xã Tân Bửu, huyện B, tỉnh L chờ khoảng 30 phút thì có một người đàn ông (không xác định được lai lịch) đi xe gắn máy hiệu Dream đến gặp Th và hỏi có phải tên Th không? Th trả lời là phải, người đàn ông này tiếp tục hỏi Th có tiền

(tiền thật) không? Th trả lời là có và đưa cho người đàn ông này 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền thật, được người đàn ông này đưa lại một hộp giấy carton đựng tiền giả, Thh bỏ vào túi xách và gọi taxi do T làm tài xế đến chở về thuê phòng số 7 của nhà nghỉ Văn Bình 3, tại thị trấn Tầm Vu, huyện C, tỉnh L. Tại đây, Th lấy chiếc hộp giấy trong túi xách ra để kiểm tra thì thấy bên trong có 03 (ba) cuộn tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), Th không kiểm tra là ba cuộn tiền đó gồm tổng cộng bao nhiêu tờ và bỏ vào chiếc ví nữ màu đen mà Th đã mua trước đó. Ngày 16/4/2019, V gọi Th đến gặp tại vòng xoay An Lạc, đường Quốc lộ 1A thuộc tổ 1, ấp 2, xã T. Khi gặp, V có trách Th về việc Thành tự ý đến nhà V vào ngày 14/4/2019 lấy của V 03 (ba) giấy biên nhận V cầm nữ trang khi không có V ở nhà, V yêu cầu Th trả lại nhưng Th không trả mà bỏ đi nên V đã kêu "Cướp…" nhằm giữ Th lại thì bị quần chúng báo Công an xã T bắt giữ.

* Vật chứng của vụ án:

- 59 (năm mươi chín) tờ tiền giả mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng);

- 01 (một) điện thoại Samsung màu đen (Model: GT-S7500; Imei1: 352069/05/402971/4);

- 01 (một) điện thoại Oppo màu trắng (Model: OPPO-1201; Imei1: 860159030922051; Imei2: 860159030922044);

- 01 (một) điện thoại Samsung màu đen (Model: GT-S6102; Imei1: 355834/05/055616/9; Imei2: 355835/05/055616/6);

- 01 (một) điện thoại Oppo màu xám xanh (Model: OPPO-R831K; Imei1: 866506022954977; Imei2: 866506022954969)

- 01 (một) túi xách màu nâu đen bên hông có chữ BOSSKANU.

- 01 (một) chiếc ví màu đen ghi hiệu Fashion Leather.

Tại phiên tòa: bị cáo cáo Th khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Minh Th phạm "Tội tàng trữ tiền giả" theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 theo cáo trạng số 346/CT-VKS-P1 Ngày 27 tháng 8 năm 2019.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng.

Xử phạt bị cáo từ 7 đến 8 năm tù, phạt bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định:

Do cần tiền tiêu xài nên bị cáo Nguyễn Minh Th đã có hành vi tàng trữ trái phép tiền giả để sử dụng. Qua khám xét công an thu giữ của bị cáo 29.500.000 đồng tiền giả, gồm 59 (năm mươi chín) tờ có mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Trong đó có 22 tờ cùng số seri BG 16164150; 19 (mười chín) tờ cùng số seri VA 14549165 và 18 (mười tám) tờ cùng số seri EM 10487743. Qua giám định xác định toàn bộ số tiền trên là giấy bạc giả trên chất liệu giấy, cắt giấy để lộ khoảng hở tạo ô của sổ trong suốt và được ép bằng hai lớp nhựa mỏng; Các nội dung trên tờ giấy bạc được in giả bằng phương pháp in phun màu.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến việc quản lý của Nhà nước về tiền tệ, đã phạm vào tội "Làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành

tiền giả" theo quy định tại Điều 207 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 với hành vị cụ thể là "Tàng trữ tiền giả".

Giá trị tiền giả mà bị cáo tàng trữ là 29.500.000 (hai mươi chin triệu năm trăm nghìn) đồng nên hành vi này thuộc tình tiết định khung hình phạt tại khoản 2 Điều 207 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo trước đây đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm vào tội rất nghiêm trọng do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào những quy định của BLHS, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo gây ra cho xã hội, nhân thân cùng những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với vị cáo. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo giúp bị cáo nhận thức được những việc làm sai trái của mình để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Ngoài ra cần phạt bổ sung bị cáo một số tiền để nộp ngân sách nhà nước.

[4] Về hành vi của các đối tượng khác:

Đối với Phạm Thị Ngọc V: Quá trình điều tra V không thừa nhận việc bán tiền giả cho Th. Không có cơ sở để xác định V đã có hành vi bán tiền giả cho Th nên cơ quan điều tra không xử lý đối với V; Đối với Lê Văn T: T chỉ là người chở Th đi gặp V, không liên quan đến hành vi phạm tội của Th; Đối với người đàn ông Th khai là đã thực hiện giao dịch mua bán tiền giả với Th: Do Th không nhớ đặc điểm nhận dạng, không nhớ số điện thoại nên cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xác minh, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[5] Vật chứng của vụ án:

- 59 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Samsung màu đen, model GT-S6102 và 01 điện thoại Oppo màu trắng: Đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại Samsung màu đen model: GT-S7500 và 01 điện thoại Oppo màu xám xanh: Đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần giao trả cho bị cáo.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th 7 (bảy) năm tù về tội "Tàng trữ tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2019.

Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2/ Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 59 (năm mươi chín) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Trong đó có 22 tờ cùng số seri BG 16164150; 19 (mười chín) tờ cùng số seri VA 14549165 và 18 (mười tám) tờ cùng số seri EM 10487743.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

01 (một) điện thoại Samsung màu đen (Model: GT-S6102; Imei1: 355834/05/055616/9; Imei2: 355835/05/055616/6)

01 (một) điện thoại Oppo màu trắng (Model: OPPO-1201; Imei1: 860159030922051; Imei2: 860159030922044)

- Giao trả cho bị cáo:

01 (một) điện thoại Samsung màu đen (Model: GT-S7500; Imei1: 352069/05/402971/4).

- 01 (một) điện thoại Oppo màu xám xanh (Model: OPPO-R831K; Imei1: 866506022954977; Imei2: 866506022954969).

(Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án Dân sự Thành phố H theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 453/19 ngày 12/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H).

3/ Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Đương sự; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (18) (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

